

Câu	Ý	Nội dung	Thang điểm	
1	2,0đ	ĐVT: Đồng VN		
		a. Nợ TK 152	1.140.000.000 (5.000 x 8 x 28.500)	0,25
		Có TK 331	1.140.000.000	0,25
		Ghi sổ chi tiết nhận nợ người bán 50.000USD		0,25
		b. Nợ TK 152	114.000.000 (10% x 1.140.000.000)	0,25
		Có TK 3333	114.000.000	
		c. Nợ TK 152	250.800.000 (20% x 1.140.000.000x1,1)	0,25
		Có TK 3332	250.800.000	
		d. Nợ TK 133	150.480.000 [(1.140.000.000 x 1,1 x1,2x10%]	0,25
		Có TK 33312	150.480.000	
e. Nợ TK 331	1.140.000.000 (50.000 x 28.500)	0,5		
Nợ TK 635	16.000.000			
Có TK 112	1.156.000.000 (5.000 x 28.900)	0,25		
Ghi sổ chi tiết trả nợ người bán 50.000USD				
2	1,0đ	a Nợ TK 217	12.000.000.000	0,5
		Có TK 211	5.000.000.000	
		Có TK 213	7.000.000.000	
		b. Nợ TK 2141	1.500.000.000	0,25
		Có TK 2147	1.500.000.000	
		c. Nợ TK 217	55.000.000	0,25
Có TK 111	55.000.000			
3	2đ	a.Nợ TK 632	60.000.000	0,25
		Có TK 155	60.000.000	
		b. Nợ TK 131	140.500.000 (5.000 x 28.100)	0,25
		Có TK 511	140.500.000	
		Ghi sổ chi tiết khách hàng nhận nợ 5.000USD		0,25
		c. Nợ TK 511	7.025.000 (120.500.000 x 5%)	0,25
		Có TK 3333	7.025.000	
		d. Nợ TK 641	5.000.000	0,25
Có TK 1111	5.000.000			

Câu	Ý	Nội dung	Thang điểm
		e. Nợ TK 112 139.500.000 (5.000 x 27.900) Nợ TK 635 1.000.000 Có TK 131 140.500.000 Ghi sổ chi tiết thu TGNH 5.000USD và giảm nợ khách hàng 5.000USD	0,5   0,25
<b>Tổng điểm câu 1</b>			<b>5,0đ</b>
		Đơn vị tính: Đồng	
<b>2</b>	<b>1</b> <b>(3,5đ)</b>	Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh - Đơn giá bình quân hàng hóa: $(180.000.000+77.000.000)/(18.000+7.000) = 10.280\text{đồng/đv}$	0,25
		1a. Nợ TK 632 102.800.000 Có TK 1561 102.800.000 (10.000 x 10.280)	0,25
		b. Nợ TK 131X 168.795.000 Có TK 511 153.450.000 (10.000 x 15.500 x 99%) Có TK 33311 15.345.000	0,25
		2. Nợ TK 157H 89.100.000 (90.000.000 x 99%) Nợ TK 133 8.910.000 Có TK 331Y 98.010.000	0,25
		3. Nợ TK 1561 77.000.000 (7.000 x 11.000) Nợ TK 133 7.700.000 Có TK 515 847.000 (77.000.000 x 1,1 x 1%) Có TK 111 83.853.000	0,5
		4a. Nợ TK 632 30.840.000 Có TK 1561 30.840.000 (3.000 x 10.280)	0,25
		4b. Nợ TK 111 49.500.000 Có TK 511 45.000.000 (3.000 x 15.000) Có TK 33311 4.500.000	0,25
		5a. Nợ TK 632 52.500.000 (5.000 x 10.500) Nợ TK 133 5.250.000 Có TK 331K 57.750.000	0,25
		5b. Nợ TK 131N 90.750.000 Có TK 511 82.500.000 (5.000 x 16.500) Có TK 33311 8.250.000	0,25
		5c. Nợ TK 641 2.000.000 Có TK 141 2.000.000	0,25
6a. Nợ TK 632 89.100.000 Có TK 157 89.100.000	0,25		

Câu	Ý	Nội dung	Thang điểm
		6b. Nợ TK 131H      158.400.000 Có TK 511      144.000.000 (9.000 x 16.000) Có TK 33311     14.400.000  7a. Nợ TK 1562      1.000.000 Nợ TK 641      3.000.000 Nợ TK 642      10.000.000 Có TK liên quan 14.000.000	0,25    0,25
	<b>2 (1,5đ)</b>	Kết chuyển xác định kết quả a Phân bổ chi phí mua hàng cho hàng bán ra [(2.000.000+1.000.000) x (10.000+3.000)]/(18.000+7.000)= 1.560.000 Nợ TK 632      1.560.000 Có TK 1562     1.560.000  b. Nợ TK 511      424.950.000 Nợ TK 515      847.000 Có TK 911      425.797.000  c. Nợ TK 911      291.800.000 Có TK 632     276.800.000 Có TK 641      5.000.000 Có TK 642     10.000.000  ⇒ Lãi trước thuế: 133.150.000 (424.950.000– 291.800.000) d. CP thuế Nợ TK 821    26.630.000 Có TK 3334    26.630.000 (133.150.000 x 20%)  e. Nợ TK 911      26.630.000 Có TK 821      26.630.000  f. Nợ TK 911      106.520.000 Có TK 421    106.520.000 (133.150.000 -26.630.000)	0,25    0,25    0,25    0,25
<b>Tổng điểm câu 2</b>			<b>5,0đ</b>